Bài tập thì hiện tại tiếp diễn
(Present Continuous Exercises)

Thì hiện tại tiếp diễn là một trong những thì quan trọng và thường gặp trong tiếng Anh giao tiếp. Những bài tập thì hiện tại tiếp diễn dưới đây sẽ giúp bạn nắm chắc hơn về thì hiện tại tiếp diễn, từ đó tăng khả năng đọc hiểu và có thể áp dụng kiến thức vào giao tiếp tiếng Anh hằng ngày.

Bài tập 1:

Đề bài: **Chia động từ trong ngoặc với thì hiện tại tiếp diễn:**

1. She (watch) _____ TV right now.
2. They (not/play) _____ football at the moment.
3. I (study) _____ for my exams this week.
4. It (rain) _____ heavily outside.
5. Mary (not/cook) _____ dinner tonight.
6. You (learn) _____ French now?
7. The children (play) _____ in the park.
8. My friends and I (prepare) _____ for a group presentation this weekend.
9. Why (you/complain) _____ about the same issue again?
10. The teacher (explain) _____ the topic while the students (take) _____ notes.

Đáp án bài tập 1:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	is watching	Right now → hành động đang diễn ra.
2	are not playing	At the moment → hành động đang diễn ra, phủ định.
3	am studying	This week → tình huống tạm thời.
4	is raining	Hành động đang xảy ra ngay lúc nói.
5	is not cooking	Tonight → kế hoạch tạm thời, phủ định.
6	are you learning	Now → câu hỏi hiện tại tiếp diễn.
7	are playing	Hành động đang diễn ra.
8	are preparing	This weekend → hành động chuẩn bị trước.
9	are you complaining	Again + câu hỏi → hiện tại tiếp diễn mang tính phản ứng.
10	is explaining / are taking	Hai hành động đang xảy ra đồng thời.

Bảng đáp án chi tiết bài tập 1

Bài tập 2:

Đề bài: **Tìm và sửa lỗi sai trong các câu sau**

1. John are going to the supermarket now.
2. Is raining outside without stopping.
3. They playing soccer in the schoolyard.
4. The teacher explain the lesson right now.
5. I am know the answer to this question.
6. I do not studying at the moment.
7. We goes to the cinema tonight.
8. She crying because she lost her toy.
9. There coming new students to the class today.
10. Tom and Jerry is planing their vacation now.

Đáp án bài tập 2:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	are → is	John là chủ ngữ số ít.
2	thiếu chủ ngữ → thêm it	Câu cần chủ ngữ khi nói về thời tiết.
3	playing → are playing	Thiếu trợ động từ cho thì hiện tại tiếp diễn.
4	explain → is explaining	Động từ đang diễn ra → chia hiện tại tiếp diễn.
5	am know → know	Know là động từ chỉ trạng thái → dùng hiện tại đơn.
6	do not studying → am not studying	Hiện tại tiếp diễn → dùng am not + Ving.
7	goes → are going	We là chủ ngữ số nhiều → dùng are going.
8	crying → is crying	Thiếu trợ động từ is trong thì hiện tại tiếp diễn.
9	There coming → There are coming	Có chủ ngữ số nhiều → dùng are.
10	is planing → are planning	Tom and Jerry là chủ ngữ số nhiều → dùng are. Planning thiếu chữ n.

Bảng đáp án chi tiết bài tập 2

Bài tập 3:

Đề bài: **Viết lại câu với thì hiện tại tiếp diễn:**

1. I / listen / to music. → ……
2. They / have / lunch. → ……
3. She / teach / English. → ……
4. We / wait / for the bus. → ……
5. He / write / an email. → ……
6. The dog / chase / its tail. → ……
7. It / snow / heavily. → ……
8. The children / play / in the garden. → ……..
9. Timmy and Anna / paint / the walls. → ……
10. Jane / talk / on the phone. → ……

Đáp án bài tập 3:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	I am listening to music.	I đi với am → am listening.
2	They are having lunch.	They là số nhiều → dùng are + having.
3	She is teaching English.	She là số ít → dùng is + teaching.
4	We are waiting for the bus.	We là số nhiều → dùng are + waiting.
5	He is writing an email.	He là số ít → dùng is + writing.
6	The dog is chasing its tail.	The dog là số ít → dùng is + chasing.
7	It is snowing heavily.	It dùng cho thời tiết → is + snowing.
8	The children are playing in the garden.	The children là số nhiều → dùng are + playing.
9	Timmy and Anna are painting the walls.	Hai người là số nhiều → dùng are + painting.
10	Jane is talking on the phone.	Jane là số ít → dùng is + talking.

Bảng đáp án chi tiết bài tập 3

Bài tập 4:

Đề bài: **Điền vào chỗ trống để hoàn thành đoạn hội thoại:**

Sammy: Hey John, what _____ (you/do)?

John: I _____ (study) for the math test tomorrow. It's killing me.

Sammy: Same! I _____ (review) those formulas right now.

John: I _____ (take) notes, but nothing's going in.

Sammy: Haha, I get it. My little brother _____ (run) around the room while I'm trying to focus.

John: That's rough. My dog _____ (bark) nonstop outside.

ammy: We _____ (try) our best to survive this week.

John: Yeah, and everyone else _____ (have) fun online or something.

Sammy: At least we _____ (prepare) early this time.

John: True. Okay, I _____ (go) back to my notes now before I forget everything again.

Đáp án bài tập 4:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	are you doing	You là số nhiều → dùng are + Ving.
2	am studying	I đi với am → am + studying.
3	am reviewing	I đi với am → am + reviewing.
4	am taking	I đi với am → am + taking.
5	is running	My little brother là số ít → dùng is + running.
6	is barking	My dog là số ít → dùng is + barking.
7	are trying	We là số nhiều → dùng are + trying.
8	is having	Everyone là chủ ngữ số ít → dùng is + having.
9	are preparing	We là số nhiều → dùng are + preparing.
10	am going	I đi với am → am + going.

Bảng đáp án chi tiết bài tập 4

Bài tập 5:

Đề bài: **Chuyển sang câu bị động sang thì hiện tại tiếp diễn:**

1. They are repairing the computer.
2. The chef is preparing the food.
3. She is cleaning the room.
4. The workers are fixing the roof.
5. They are painting the fence.
6. The teacher is correcting the test papers.
7. Someone is decorating the classroom.
8. The mechanic is checking the car.
9. He is sending the emails.
10. They are installing new lights in the hallway.

Đáp án bài tập 5:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	The computer is being repaired by them.	They → them, thêm is being + V3 vì the computer là số ít.
2	The food is being prepared by the chef.	The food là số ít → dùng is being + prepared.
3	The room is being cleaned by her.	She → her, the room là số ít → is being + cleaned.
4	The roof is being fixed by the workers.	The roof là số ít → is being + fixed.
5	The fence is being painted by them.	They → them, the fence là số ít → is being + painted.
6	The test papers are being corrected by the teacher.	The test papers số nhiều → are being + corrected.
7	The classroom is being decorated by someone.	The classroom là số ít → is being + decorated.
8	The car is being checked by the mechanic.	The car là số ít → is being + checked.
9	The emails are being sent by him.	He → him, emails số nhiều → are being + sent.
10	New lights are being installed in the hallway by them.	New lights số nhiều → are being + installed.

Bảng đáp án chi tiết bài tập 5

Bài tập 6:

Đề bài: Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn để điền từ thích hợp vào chỗ trống

1. She usually _____ (walk) to school.
2. Look! It _____ (snow) outside.
3. I _____ (not/like) black coffee.
4. We _____ (study) for the test this week.
5. My cat always _____ (sleep) on the sofa.
6. Listen! Who _____ (play) the guitar?
7. They _____ (travel) a lot these days.
8. The bus _____ (leave) at 7:30 every morning.
9. He _____ (not/use) his phone right now.
10. Why _____ she _____ (cry) in the bathroom?

Đáp án bài tập 6:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	walks	Thói quen → hiện tại đơn.
2	is snowing	Đang diễn ra → hiện tại tiếp diễn.
3	do not like	Sự thật → hiện tại đơn.
4	are studying	Tạm thời → hiện tại tiếp diễn.
5	sleeps	Thói quen → hiện tại đơn.
6	is playing	Hành động lúc nói → tiếp diễn.
7	are traveling	Giai đoạn tạm thời → tiếp diễn.
8	leaves	Lịch trình cố định → hiện tại đơn.
9	is not using	Ngay lúc này → tiếp diễn.
10	is she crying	Đang xảy ra → hiện tại tiếp diễn.

Bảng đáp án chi tiết bài tập 6